

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 12-8-2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân;

1. Ông Lê Văn Rễn;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Đình Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tô Ngọc Q, sinh năm: 1972. Địa chỉ cư trú: Số M ấp P, xã AH, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Võ Thành A, sinh năm: 1981. Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2.2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Do có quen biết nên từ ngày 24/11/2018 đến ngày 19/01/2019 ông A có đến lò gạch Phú Hải của ông tại ấp C, xã Long Giang, huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh để mua gạch bán lại cho người khác. Tổng số tiền mua bán ông A nợ ông là 107.960.000 đồng có chốt nợ tại giấy viết tay ngày 19/01/2019 có chữ ký và ghi họ tên của ông Võ Thành A. Nhưng sau đó vợ chồng ông A không trả, đến tháng 6/2019 ông yêu cầu Ban quản lý ấp Ngã Tắc giải quyết thì ông A hứa trả dần 5.000.000 đồng vào ngày 17 dương lịch hàng tháng, ông có thỏa thuận miệng nếu vợ chồng ông A trả đúng hẹn hàng tháng thì chỉ cần trả đủ 70.000.000 đồng. Tuy nhiên vợ chồng ông A chỉ trả cho ông được 02 lần, tổng cộng 10.000.000 đồng rồi không trả nữa. Ông tiếp tục làm đơn yêu cầu Ban quản lý ấp Ngã Tắc giải quyết vào tháng 10/2019 nhưng Ban quản lý không liên lạc được với ông A nên không tiến hành hòa giải được. Sau khi ông khởi kiện và Tòa án làm việc với vợ chồng ông A thì vợ chồng ông A đã trả cho ông thêm 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông trình bày yêu cầu ông A và bà Nh trả cho ông số tiền 92.960.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản tự khai ngày 04/5/2020 ông Võ Thành A trình bày:* Nguyên từ ngày 24/11/2018 ông có mua gạch của ông Q để bán lại cho người khác. Khi mua ông có thỏa thuận miệng với ông Q là chở 10 xe gạch (mỗi xe là 04 muôn gạch). Nhưng khi ông lấy được 05 xe thì ông Q yêu cầu trả tiền 05 xe rồi mới cho lấy tiếp, ông không thanh toán được nên ông không lấy gạch nữa nhưng vẫn cam kết trả tiền cho ông Q như trong Biên bản hòa giải tại Ban quản lý ấp Ngã Tắc ngày 17/6/2019 là trả dần tổng số nợ 107.960.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, ông đã trả cho ông Q 10.000.000 đồng, nên ông đồng ý là còn nợ 97.960.000 đồng. Nhưng ông Q có hứa miệng là chỉ cần trả 60.000.000 đồng trong vòng một năm và ông phải trả hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, ông A thừa nhận trình bày của ông Q là đúng. Ông đồng ý vợ chồng ông còn nợ ông Q 92.960.000 đồng. Ông xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai ngày 04/5/2020 bà Nguyễn Thị Nh trình bày:*

Vợ chồng bà có nợ tiền mua vật tư của lò gạch ông Q tổng số tiền là 107.960.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả cho ông Q 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại vợ chồng bà làm có tiền sẽ trả cho ông Q, bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về việc chấp hành của các đương sự: Ông Q chấp hành theo triệu tập của Tòa án, ông A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có mặt tại phiên tòa lần 2, bà Nh được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh là đúng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 430 và 440 của Bộ Luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Ngọc Q. Buộc ông Võ Thành A và bà Nguyễn Thị Nh cùng có nghĩa vụ trả cho ông Tô Ngọc Q số tiền 92.960.000 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thành A và bà Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí theo quy định. Ông Tô Ngọc Q không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Q khởi kiện yêu cầu ông A và bà Nh có đăng ký thường trú tại ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh trả lại số tiền vay 92.960.000 đồng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự, do đó căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Bến Cầu.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết, ông Võ Thành A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có tham dự phiên tòa lần 2, bà Nguyễn Thị Nh đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 ông Q yêu cầu ông A trả cho ông số tiền 107.960.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đến ngày 08/3/2020 ông

nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà Nh (vợ ông A) cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 97.000.000 đồng, vì vợ chồng ông A đã trả cho ông 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Q thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông A, bà Nh trả 92.960.000 đồng vì sau khi Tòa án mời hòa giải nhưng vợ chồng ông A không đến thì bà Nh có trả tiếp cho ông 5.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giao dịch mua bán tài sản giữa ông Q và ông A thì thấy rằng: Ông Q và ông A thống nhất trình bày: Từ ngày 24/11/2018, ông A có mua gạch của lò gạch do ông Q làm chủ tại ấp C, xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cộng nợ mua bán thì tính đến ngày 19/01/2019 ông A còn nợ ông Q 107.960.000 đồng. Sau khi hòa giải tranh chấp tại ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận vào ngày 17/6/2019 thì vợ chồng ông A, bà Nh đã trả cho ông Q 10.000.000 đồng. Bà Nh không trực tiếp tham gia việc mua bán nhưng bà thừa nhận vợ chồng bà có nợ ông Q số tiền trên và thừa nhận nghĩa vụ trả nợ cho ông Q, tuy nhiên bà khai vợ chồng bà đã trả cho ông Q 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Q cũng trình bày đã nhận của vợ chồng ông A, bà Nh 03 lần 5.000.000 đồng tổng cộng là 15.000.000 đồng, nên ông chỉ khởi kiện yêu cầu ông A, bà Nh trả tiếp 92.960.000 đồng. Nên có căn cứ xác định, tính đến ngày 17/6/2019 ông A và bà Nh còn nợ ông Q số tiền mua bán gạch là 107.960.000 đồng, sau đó đã trả 15.000.000 đồng, đến thời điểm xét xử thì ông bà còn nợ ông Q số tiền 92.960.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hợp đồng mua bán giữa ông Q và ông A là hợp pháp và tự nguyện, do đó các bên có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự. Ông Q đã giao tài sản xong, nên ông A phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự, số tiền phải thanh toán còn lại là 92.960.000 đồng. Ông Q yêu cầu bà Nh cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông A là có cơ sở, bởi lẽ ông A và bà Nh là vợ chồng, số tiền nợ mua bán với ông Q phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bản thân ông A và bà Nh thừa nhận đây là nợ chung, chấp nhận nghĩa vụ cùng trả nợ và trên thực tế ông bà đã cùng trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng. Do đó cần buộc ông A và bà Nh cùng có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 92.960.000 đồng cho ông Q. Ghi nhận ông Q không yêu cầu trả lãi.

[2.3] Tại phiên tòa, ông Q đồng ý cho ông A và bà Nh trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 92.960.000 đồng, lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nh yêu cầu ông Q cho vợ chồng bà trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, nhưng bà Nh vắng mặt do đó không đủ cơ sở để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông A và bà Nh phải chịu 4.648.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Q.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430 và 440 của Bộ Luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản của ông Tô Ngọc Q đối với ông Võ Thành A và bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc ông Võ Thành A và bà Nguyễn Thị Nh cùng có nghĩa vụ trả cho ông Tô Ngọc Q số tiền 92.960.000 (chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Thành A và bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 4.648.000 (bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Tô Ngọc Q số tiền 2.449.000 (hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0014061 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Tô Ngọc Q và ông Võ Thành A có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo thủ tục phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y